

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2020/HS-ST

Ngày 29- 10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Hận
Ông Trịnh Văn Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Ông Võ Quốc Dương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 75/2020/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Kiều D (có mặt)

Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nữ.

Sinh ngày 14 tháng 02 năm 1984.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khóm 6A, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Trình độ học vấn: Lớp 12/12

Nghề nghiệp: Mua bán.

Cha: Nguyễn Phi H, sinh năm 1962 và mẹ là bà Lê Tuyết P, sinh năm 1964.

Anh, chị, em ruột gồm có 01 người, sinh năm 1986.

Chồng: Châu Quốc K, sinh năm 1977 (đã ly hôn).

Con có 01 người, sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24 tháng 6 năm 2020 cho đến nay.

- Bị hại: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thu H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyễn Kiều D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 10/9/2019, Trần Thanh Tiến bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời bắt về hành vi đánh bạc. Do chồng D là Châu Quốc Khải làm Công an tại thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời nên Võ Văn Chí là bạn của Nhung (em ruột Tiến) điện thoại cho Nguyễn Kiều D nhờ nói giúp cho Tiến được tại ngoại, D nhận lời, Chí ghi âm lại cuộc nói chuyện này gửi cho Trần Thanh T (em ruột Tiến) nghe. T đến gặp ông Châu Thanh Tùng (người quen của T) nhờ giới thiệu gặp Diễm lo cho Tiến tại ngoại.

T và Tùng hẹn gặp D tại quán cà phê cạnh Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc trao đổi, D hứa sẽ liên lạc nhờ người giúp rồi cho T biết sau.

Ngày 11/9/2019, D hẹn với T đến quán cà phê nêu trên, tại đây D kêu T đưa 70.000.000 đồng để lo cho người có thẩm quyền giải quyết cho Tiến được tại ngoại và hẹn khoảng 3 đến 5 ngày sau Tiến sẽ được trả tự do, T đồng ý.

Khoảng 14 giờ cùng ngày, T liên hệ D đến tiệm tạp hóa của bà Liên Bích Hồng (là vợ ông Tùng) ở khóm 1, thị trấn Sông Đốc, T đưa cho D 70.000.000 đồng. Năm ngày sau khi nhận tiền Tiến vẫn chưa được thả nên T liên hệ với D hỏi kết quả thì D nói là đang giúp cho Tiến.

Ngày 11/10/2019 (1 tháng sau) Tiến vẫn chưa được tại ngoại nên T đòi lại tiền, D hứa hẹn nhưng không trả, T tiếp tục điện thoại cho D để đòi lại tiền thì D nói giữa D và T không có liên tiền bạc gì hết.

Ngày 11/10/2019 T đến Công an huyện Trần Văn Thời trình báo vụ việc. Ngày 16/10/2019 D nhờ Lê Hoàng Thiên (là người chạy xe ôm D quen biết) đến Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời nộp 70.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Trần Thanh T cung cấp 01 đoạn ghi âm ghi lại cuộc trao đổi giữa D và Võ Văn Chí về việc D hứa hẹn giúp Tiến được tại ngoại và 02 đoạn ghi âm ghi lại cuộc trao đổi giữa D và Trần Thanh T về việc D yêu cầu T trả lại tiền đi đứng, tiền cà phê đã bỏ ra và hứa trả số tiền còn lại cho T.

Ngày 08/3/2020, Cơ quan điều tra đã trưng cầu Phân viện Khoa học hình sự, Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh giám định giọng nói tại băng ghi âm trên. Tại kết luận giám định số 1731/C09B ngày 26/5/2020 của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Không có cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung trong mẫu cần giám định. Tiếng nói của người nữ trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Kiều D trong mẫu so sánh là cùng một người nói.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Kiều D nhận nội dung 03 đoạn ghi âm nêu trên có giọng nói người nữ là giọng nói của Nguyễn Kiều D. Ngoài ra, D khai có nhận 70.000.000 đồng. Theo D thì số tiền trên đã đưa cho bà Võ Thu H (là vợ của Dương Quốc Khánh nguyên Thủ Trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời) để nhờ giúp cho Tiến được tại ngoại. Bà H không thừa nhận việc này, việc đưa tiền cũng không có tài liệu chứng minh ngoài lời khai của D.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

Tiền Việt Nam đồng 70.000.000 đồng, do Nguyễn Kiều D nhờ Lê Hoàng Thiên giao nộp để trả cho Trần Thanh T.

01 điện thoại di động bàn phím hiệu “Mobell” màu đỏ, số IMEI1: 810201600490357; IMEI2: 810202600490355; trong máy có thẻ nhớ hiệu Specdy, số thẻ 960492 của Trần Thanh T giao nộp để cung cấp đoạn ghi âm nêu trên.

01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu đen đã qua sử dụng, có ký hiệu “0682” ở ốp lưng, điện thoại có gắn sim số thuê bao 0325771343 của Nguyễn Kiều D giao nộp cung cấp hình ảnh thể hiện nội dung tin nhắn giữa D và Võ Thu H như đã nêu trên.

Hiện Cơ quan điều tra đã trả cho Trần Thanh T 70.000.000 đồng. T không yêu cầu D phải tiếp tục bồi thường dân sự; 02 điện thoại bị tạm giữ chưa xử lý.

Tại Cáo trạng số 78/CT-VKS ngày 21/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố bị cáo Nguyễn Kiều D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Luận tội đối với bị cáo, Viện Kiểm sát xác định: Bảo lưu quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Đề nghị tuyên bố Nguyễn Kiều D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị phạt Nguyễn Kiều D từ 1 năm đến 2 năm tù.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xét.

Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự. Hiện nay, Cơ quan điều tra đã trả cho Trần Thanh T số tiền 70.000.000 đồng. T không yêu cầu D phải tiếp tục bồi thường dân sự;

01 điện thoại di động bàn phím hiệu “Mobell” màu đỏ, số IMEI1: 810201600490357; IMEI2: 810202600490355; trong máy có thẻ nhớ hiệu Specdy, số thẻ 960492 của Trần Thanh T giao nộp để cung cấp đoạn ghi âm nêu trên – Bị hại không yêu cầu nhận lại nên sung công quỹ.

01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu đen đã qua sử dụng, có ký hiệu “0682” ở ốp lưng, điện thoại có gắn sim số thuê bao 0325771343 của Nguyễn Kiều D giao nộp cung cấp hình ảnh thể hiện nội dung tin nhắn giữa D và Võ Thu H – trả lại cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận cáo trạng mô tả hành vi và các tình tiết liên quan là chính xác.

Bào chữa cho mình, Nguyễn Kiều D xác định: Bị cáo có nhận tiền của T để chạy lo tại ngoại cho Tiến, số tiền trên bị cáo thật sự đã giao cho bà H, không sử dụng cho mục đích riêng. Bị cáo nhận việc làm như vậy là vi phạm pháp luật, xin hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình nhưng bị bệnh sơ gan, nuôi con bị bệnh ung thư máu để giảm nhẹ hình phạt, giúp bị cáo có điều kiện điều trị bệnh, chăm sóc con.

Nên xác định: Khoảng 14 giờ cùng ngày 11/9/2019 Nguyễn Kiều D có nhận của anh Trần Thanh T 70.000.000 đồng tại tiệm tạp hóa của bà Liên Bích Hồng ở khóm 1, thị trấn Sông Đốc. Vụ việc được chứng minh qua khai nhận của bị cáo, phù hợp với kết quả giám định vọng nói được ghi âm do bị cáo trao đổi với anh T, phù hợp với thực tế việc bị cáo nhờ anh Lê Hoàng Thiên (là người chạy xe ôm D quen biết) đến Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời nộp 70.000.000 đồng trả cho T.

Nguyễn Kiều D khai đã đưa khoản tiền trên cho bà Võ Thu H để nhờ giúp cho Tiến được tại ngoại. Bà H không thừa nhận việc này, không có chứng khác chứng minh ngoài lời khai của D.

Nên cáo trạng qui kết Nguyễn Kiều D bằng hành vi gian dối tạo cho anh T tin việc đi lo cho Tiến tại ngoại, đến khoảng 14h00 ngày 11/9/2019 D đã chiếm đoạt của anh T 70.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Khi thực hiện hành vi trên Nguyễn Kiều D nhận thức bình thường, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết việc làm trên gây tổn thất đến tài sản hợp pháp của người khác bị cáo vẫn cố thực hiện nhằm mục đích chiếm đoạt.

[3] Hậu quả từ hành vi trên, bị cáo đạt mục đích chiếm đoạt của bị hại 70.000.000 đồng.

[4] Với các chứng cứ trên, kết luận: Nguyễn Kiều D phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản – tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tài sản hợp pháp của công dân là đối tượng quan trọng được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản lớn, hợp pháp của anh T, vi điều cấm của pháp luật hình sự. Nên xử lý bị cáo bằng trách nhiệm hình sự, buộc các bị cáo phải chịu hình phạt, cách với lý xã hội có thời hạn là cần thiết, nhằm giáo dục đối với bị cáo ra nó còn răn đe chung đối với xã hội.

[5] Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm các bị cáo gây ra tại vụ án ra, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét các yếu tố khác như sau:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo có cha, nội, bác là người có công với cách mạng. Bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình nhưng bị bệnh sơ gan, có con nhỏ mắc bệnh ung thư máu – Các tình tiết giảm nhẹ trên là được xem xét giảm một phần hình phạt cho Nguyễn Kiều D.

[6] Vật chứng: Chấp nhận xử lý như quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Kiều D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 54; 38 Bộ luật hình sự.

Phạt Lê Kiều D 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Anh Trần Thanh T đã nhận lại 70.000.000 đồng, không yêu cầu D phải tiếp tục bồi thường dân sự;

01 điện thoại di động bàn phím hiệu “Mobell” màu đỏ, số IMEI1: 810201600490357; IMEI2: 810202600490355; trong máy có thẻ nhớ hiệu Specdy, số thẻ 960492 của Trần Thanh T giao nộp để cung cấp đoạn ghi âm nêu trên – Bị hại không yêu cầu nhận lại nên sung công quỹ.

01 điện thoại di động hiệu IPHONE màu đen đã qua sử dụng, có ký hiệu “0682” ở ốp lưng, điện thoại có gắn sim số thuê bao 0325771343 của Nguyễn Kiều D giao nộp cung cấp hình ảnh thể hiện nội dung tin nhắn giữa D và Võ Thu H – trả lại cho bị cáo.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng người bị thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí hình sự sơ thẩm: Lê Kiều D phải chịu 200.000 đồng.

Bản án này là sơ thẩm, báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt đúng theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VNSND huyện Trần Văn Thời;
- Công an huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Bị cáo; Đại diện bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Văn Yên

